

ĐỔI MỚI CƠ CHẾ PHÂN BỐ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP TRONG CƠ CHẾ TỰ CHỦ

Lê Văn Dũng

Đại học Y Hà Nội

Email: levandunghmu@gmail.com

Ngày nhận: 30/01/2018

Ngày nhận bản sửa: 23/3/2018

Ngày duyệt đăng: 05/10/2018

Tóm tắt:

Bài viết phân tích thực trạng và khuyến nghị đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước hiện nay cho các trường đại học công lập Việt Nam. Hiện tại cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước còn mang tính bao cấp, bình quân, chưa khuyến khích đơn vị phát triển nguồn thu và cơ chế hỗ trợ ngân sách Nhà nước trực tiếp cho cơ sở đào tạo làm người học chưa nhận thấy được sự hỗ trợ của ngân sách Nhà nước cho người học, làm hạn chế nhận thức trách nhiệm xã hội đối với người học. Tác giả khuyến nghị đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước thông qua cấp học bổng trực tiếp cho người học, trên cơ sở chi phí đào tạo của từng trường, đảm bảo tính minh bạch, công bằng, khuyến khích đơn vị phát triển nguồn thu và làm thay đổi nhận thức trách nhiệm xã hội của người học, hạn chế lãng phí chi phí trong đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả của xã hội.

Từ khoá: Tự chủ tài chính, đổi mới cơ chế tài chính đại học công lập, tự chủ đại học.

Innovation in the state budget allocation mechanism of public university in the autonomy mechanism

Abstract:

The paper discusses the Government budget distribution among Vietnam public universities currently. The Government budget distribution remains subsidizing other public organizations and does not encourage the organizations to develop their revenue sources, leading to the State budget used as a direct subsidy of training facilities. In addition, this leads to the learners' unawareness of the State budget supports, restricting their awareness of the entire social accountability. Finally, it is necessary to reform the State budget distribution mechanism based on each university's training costs, to ensure the accountability, equality, to encourage each university to develop its sources of revenue and change students' awareness of the social accountability, to reduce the cost waste in training and to use labor force more effectively.

Keywords: Financial autonomy, innovation in the financial policy of public university, university autonomy.

1. Đặt vấn đề

Cùng với sự đổi mới toàn diện giáo dục đại học, trong những năm qua cơ chế tài chính đối với giáo dục đại học đã có nhiều thay đổi, trong đó đặc biệt

là sự đổi mới về chính sách học phí đã tạo nguồn thu đáng kể cho hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước đối với các trường đại học công lập còn chậm đổi mới và mang tính bình quân, chưa gắn với cơ cấu ngành nghề, chi

phí và chất lượng đào tạo. Về mặt bản chất phân bổ ngân sách Nhà nước vẫn mang tính tập trung bao cấp, chưa đảm bảo công bằng và khuyến khích thúc đẩy phát triển, chưa làm thay đổi được nhận thức trách nhiệm xã hội của người học đã được ngân sách Nhà nước hỗ trợ, gây nhiều lãng phí trong đào tạo và trong sử dụng nguồn nhân lực. Trong bối cảnh đổi mới toàn diện về tự chủ đại học, đặc biệt là đổi mới về tự chủ tài chính được xem là then chốt, thì đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước đối với giáo dục đại học là cần thiết và cấp bách.

2. Thực trạng cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước cho các trường đại học công lập

2.1. Cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước hiện nay

Hiện nay, cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước đối với các trường đại học công lập đang dựa trên cơ chế phân loại đơn vị sự nghiệp, theo mức độ tự chủ tài chính của mỗi trường đại học công lập. Một số trường đại học công lập đang thực hiện đề án thí điểm đổi mới hoạt động theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ và chủ yếu các trường đại học công lập đang thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ, cơ chế tự chủ của các đơn vị được chia thành 4 nhóm (Chính phủ, 2014; 2015):

- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.
- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên.
- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.
- Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp).

Đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục, đây mới là nghị định khung, đến nay vẫn chưa có nghị định chi tiết để thực hiện và phân loại đơn vị sự nghiệp giáo dục vẫn thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2006 của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Bộ Tài chính (Chính phủ, 2006; 2015; Bộ Tài chính, 2006):

Việc phân loại đơn vị sự nghiệp theo quy định trên được ổn định trong thời gian 3 năm. Sau thời hạn 3 năm sẽ xem xét phân loại lại cho phù hợp.

Mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị =

$$\frac{\text{Tổng số nguồn thu sự nghiệp}}{\text{Tổng số chi hoạt động thường xuyên}} \times 100 \%$$

Theo phương pháp phân loại trên, đối với các trường đại học có nguồn thu sự nghiệp lớn, mức độ tự chủ cao sẽ được ngân sách Nhà nước cấp ít và đối với các trường đại học có nguồn thu sự nghiệp thấp sẽ được ngân sách Nhà nước cấp nhiều. Nguồn ngân sách cấp chi không thường xuyên cho các đơn vị chủ yếu là thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm thiết bị được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kết thúc năm ngân sách không sử dụng hết, phải trả lại ngân sách Nhà nước hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền đồng ý cho chuyển nhiệm vụ chi sang năm sau để sử dụng. Nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp qua hệ thống Kho bạc Nhà nước để kiểm soát thanh toán.

2.2. Thực trạng số liệu phân bổ ngân sách Nhà nước tại một số trường

2.2.1. Phân bổ kinh phí thường xuyên

Qua một nghiên cứu thu thập số liệu năm 2011 đến 2015 của một số trường đại học công lập cho thấy nguồn ngân sách Nhà nước cấp thường xuyên cho các trường đại học công lập có tỷ lệ rất khác nhau, phụ thuộc tổng nguồn thu của nhà trường, có thể chia làm hai nhóm:

Các trường có nguồn thu sự nghiệp cao, tỷ lệ ngân sách Nhà nước cấp thấp hơn

Theo số liệu thu thập của tác giả, các trường đại học công lập có nguồn thu sự nghiệp cao, thì tỷ lệ nguồn ngân sách Nhà nước so với tổng nguồn kinh phí của đơn vị thấp, cụ thể như: Trường đại học Y Hà Nội, năm 2011 tỷ lệ ngân sách Nhà nước cấp 15,9% đến năm 2015 là 11,5% so với tổng nguồn thu của nhà trường. Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh năm 2011 là 4,8% đến năm 2015 là 4,1% so với tổng nguồn thu của nhà trường (Lê Văn Dũng, 2017).

Các trường có nguồn thu sự nghiệp thấp, tỷ lệ ngân sách Nhà nước cấp cao hơn

Theo số liệu thu thập của tác giả, các trường đại học công lập có nguồn thu sự nghiệp thấp, thì tỷ lệ nguồn ngân sách Nhà nước cấp so với tổng nguồn kinh phí của đơn vị cao, cụ thể như: Trường đại học Y Dược Hải Phòng năm 2011 có tỷ lệ ngân sách Nhà nước cấp là 27,8% và năm 2015 là 25,7%; Trường

Bảng 1: Tỷ lệ ngân sách Nhà nước cấp kinh phí thường xuyên

Tên trường	Tỷ lệ ngân sách Nhà nước cấp kinh phí thường xuyên trên tổng nguồn kinh phí của đơn vị
1. Trường đại học Y Hà Nội	
- Năm 2011	15,9%
- Năm 2012	16,9%
- Năm 2013	14,2%
- Năm 2014	13,4%
- Năm 2015	11,5%
2. Trường đại học Y Hồ Chí Minh	
- Năm 2011	4,8%
- Năm 2012	5,1%
- Năm 2013	6,5%
- Năm 2014	5,2%
- Năm 2015	4,1%
3. Trường đại học Y Hải phòng	
- Năm 2011	27,8%
- Năm 2012	25,8%
- Năm 2013	28,0%
- Năm 2014	27,4%
- Năm 2015	25,7%
4. Trường đại học Y Thái Bình	
- Năm 2011	25,0%
- Năm 2012	27,7%
- Năm 2013	25,5%
- Năm 2014	24,7%
- Năm 2015	22,5%
5. Đại học Mở đại chất	
- Năm 2011	28,9%
- Năm 2012	27,4%
- Năm 2013	27,1%
6. Đại học Vinh	
- Năm 2011	27,4%
- Năm 2012	30,8%
- Năm 2013	27,2%
7. Đại học Cần Thơ	
- Năm 2011	29,5%
- Năm 2012	29,5%
- Năm 2013	27,1%

đại học Y Dược Thái Bình năm 2011 có tỷ lệ ngân sách Nhà nước cấp là 25,0% và năm 2015 là 22,5% (Lê Văn Dũng, 2017).

Tại một nghiên cứu khác của tác giả Phan Công Nghĩa cũng cho kết quả nhận xét đánh giá tương tự, cụ thể như: Trường đại học Mở Địa Chất năm 2011 có tỷ lệ ngân sách Nhà nước là 28,9% và năm 2013 có tỷ lệ ngân sách Nhà nước cấp là 27,1%. Trường đại học Vinh năm 2011 có tỷ lệ ngân sách cấp là 27,4% và năm 2013 có tỷ lệ ngân sách Nhà nước cấp là 27,2% và đại học Cần Thơ năm 2011 có tỷ lệ ngân sách Nhà nước cấp là 29,5% và năm 2013 là 27,1% (Phan Công Nghĩa, 2015).

2.2.2. Phân bổ kinh phí không thường xuyên

Thực trạng số liệu thu thập về phân bổ ngân sách Nhà nước không thường xuyên cho các trường chủ yếu cấp theo kế hoạch, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhìn chung mức đầu tư của ngân sách Nhà nước còn thấp, cụ thể tại một số trường như:

- Theo số liệu thu thập của tác giả về nguồn kinh phí không thường xuyên ngân sách Nhà nước cấp so với tổng nguồn kinh phí của nhà trường có tỷ lệ rất khác nhau và còn thấp, như: Trường đại học Y Hà Nội được ngân sách Nhà nước cấp so tổng nguồn kinh phí của nhà trường năm cao nhất là 10,5% (năm 2014) và năm 2015 là 3,8%; đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh năm 2012 được ngân

Bảng 2: Tỷ lệ ngân sách Nhà nước cấp chi không thường xuyên

Tên trường	Tỷ lệ nguồn ngân sách Nhà nước cấp không thường xuyên trên tổng nguồn kinh phí của đơn vị
1.Trường Đại học Y Hà Nội	
- Năm 2011	7,1%
- Năm 2012	4,2%
- Năm 2013	9,8%
- Năm 2014	10,5%
- Năm 2015	3,8%
2. Trường Đại học Y HCM	
- Năm 2011	2,1%
- Năm 2012	3,4%
- Năm 2013	1,9%
- Năm 2014	2,6%
- Năm 2015	1,9%
3.Trường Đại học Y Hải phòng	
- Năm 2011	8,8%
- Năm 2012	7,1%
- Năm 2013	29,6%
- Năm 2014	23,3%
- Năm 2015	22,9%
4. Trường Đại học Y Thái Bình	
- Năm 2011	10,2%
- Năm 2012	17,7%
- Năm 2013	13,8%
- Năm 2014	20,8%
- Năm 2015	11,3%
5. Đại học Mỏ địa chất	
- Năm 2011	11,8%
- Năm 2012	7,9%
- Năm 2013	6,8%
6. Đại học Vinh	
- Năm 2011	11,2%
- Năm 2012	14,5%
- Năm 2013	6,0%
7. Đại học Cần Thơ	
- Năm 2011	18,7%
- Năm 2012	14,0%
- Năm 2013	22,0%

sách Nhà nước cấp cao nhất là 3,4% và năm 2015 được cấp 1,9%; trường đại học Y Dược Hải Phòng được ngân sách Nhà nước cấp cao nhất năm 2013 là 29,6%; trường đại học Y Dược Thái Bình được ngân sách Nhà nước cấp cao nhất năm 2014 là 20,8% (Lê Văn Dũng, 2017).

- Theo số liệu thu thập của tác giả Phan Công Nghĩa, trường đại học Mỏ Địa Chất năm 2011 có tỷ lệ ngân sách Nhà nước là 11,8% và năm 2013 có tỷ lệ ngân sách Nhà nước cấp là 6,8%; trường đại học Vinh năm 2011 có tỷ lệ ngân sách Nhà nước cấp là 11,2% và năm 2013 có tỷ lệ ngân sách Nhà nước cấp là 6,0% và đại học Cần Thơ năm 2011 có tỷ lệ ngân

sách Nhà nước cấp là 18,5% và năm 2013 là 22,0% (Phan Công Nghĩa, 2015).

3. Một số tồn tại, hạn chế của cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước

Các trường đại học công lập hiện nay chủ yếu thuộc nhóm đơn vị tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên, một phần kinh phí được ngân sách Nhà nước cấp. Cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước cho các trường đại học công lập chủ yếu dựa trên cơ sở phân loại theo mức độ tự đảm bảo kinh phí hoạt động của các trường và dựa trên một tỷ lệ trượt giá hằng năm dao động trong khoảng 10%. Cơ chế này chưa khuyến khích được các trường tăng nguồn thu,

vì khi tăng nguồn thu thì tỷ lệ tự đảm bảo cao và tỷ lệ ngân sách Nhà nước sẽ cấp giảm. Do đó, tạo ra tư tưởng ỷ lại sự bao cấp của ngân sách Nhà nước hoặc báo cáo số thu giảm để được ngân sách Nhà nước cấp tỷ lệ cao.

Mức độ tự chủ xây dựng trên cơ sở đề nghị của các trường theo nguồn thu hiện có là thiếu khách quan, vì theo số liệu quyết toán hiện nay, số thu thực tế của các trường luôn cao hơn so với số thu các đơn vị lập dự toán, làm cho mức độ tự chủ tài chính thấp để được ngân sách Nhà nước cấp nhiều. Điều này là không đảm bảo tính công bằng trong cơ chế thị trường và tạo ra tính thụ động, trông chờ vào sự bao cấp của ngân sách Nhà nước.

Mặt khác, giữa các ngành nghề đào tạo khác nhau sẽ có những thuận lợi và khó khăn khác nhau, có sự hấp dẫn người học khác nhau và nhu cầu nhân lực của xã hội về mỗi một ngành nghề đào tạo cũng khác nhau, trong phân loại đơn vị sự nghiệp chưa tính đến yếu tố này. Như đối với các trường đào tạo ngành y có chi phí đào tạo cao và nhu cầu vốn cho đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị thực hành, vật tư hóa chất tiêu hao nhiều, nhưng không có cơ chế đặc thù cho các trường đại học công lập ngành y, nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp còn quá thấp, chưa tương xứng với nhu cầu và quy mô phát triển của các trường.

Vùng miền địa phương của nhà trường: đây là một yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến mức độ tự chủ của các trường; mỗi một vùng miền có sự thu hút học sinh khác nhau và chi phí hoạt động của các trường cũng có sự khác nhau. Điều đó nói tác động đến nguồn thu và chi phí đào tạo của các trường. Tuy nhiên, trong phân bổ ngân sách Nhà nước chưa xem xét yếu tố vùng để đảm bảo yếu tố cạnh tranh và công bằng xã hội.

Cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước cho các trường đại học công lập hiện nay là cấp ngân sách Nhà nước trực tiếp cho các trường đại học và áp dụng chính sách học phí là thu một phần chi phí đào tạo; thực chất chính là ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí đào tạo cho người học thông qua cấp ngân sách Nhà nước cho các trường. Cơ chế này làm người học không nhận thấy được sự hỗ trợ của ngân sách Nhà nước cho bản thân và không nhận thức được đầy đủ trách nhiệm phải đóng góp cho xã hội sau khi tốt nghiệp, và Nhà nước không có cơ chế để huy động nguồn nhân lực này, làm lãng phí chi phí đào tạo và nhân lực của xã hội.

Năm 2016, Chính phủ đã đưa ra cơ chế chung về phân bổ ngân sách Nhà nước cho các trường đại học theo cơ chế đặt hàng, tuy nhiên đây mới chỉ là nghị định khung và mới chỉ áp dụng đối với các đơn vị được duyệt đề án tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có quy định định mức chi phí đào tạo để làm cơ sở phân bổ ngân sách Nhà nước.

4. Khuyến nghị đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước

4.1. Phân bổ ngân sách Nhà nước chi thường xuyên thông qua cấp học bổng cho người học

Qua nghiên cứu về quản trị tài chính của một số trường đại học công lập các nước trên thế giới của tác giả cho thấy dù các trường đại học công lập mức độ tự chủ cao hay thấp, nguồn lực tài chính của các trường đại học vẫn có sự hỗ trợ của Nhà nước. Đối với các trường đại học công lập nước ta, trong cơ chế tự chủ tài chính, vẫn cần có sự hỗ trợ của ngân sách Nhà nước là phù hợp với sự phát triển của các trường đại học công lập trên thế giới.

Theo đánh giá của The World Bank về cải cách tài chính giáo dục đại học, đánh giá so sánh các phương thức phân bổ; có hai phương thức phân bổ ngân sách cho giáo dục đại học đang được sử dụng ở các nước trên thế giới. (i) Phân bổ nguồn trực tiếp cho các trường đại học để hỗ trợ các chi phí thường xuyên, đầu tư vốn, các mục đích cụ thể và nghiên cứu, và (ii) phân bổ nguồn gián tiếp thông qua cung cấp nguồn kinh phí, chứng từ và các khoản trợ cấp cho sinh viên hoặc gia đình bằng các hình thức tài trợ và học bổng, ưu đãi thuế và các khoản cho vay để trang trải học phí hoặc các chi phí khác như nhà ở, ăn uống và sinh hoạt (Jamil Salmi & Arthur M.Hauptman, 2006).

Đối với Việt Nam trong cơ chế tự chủ, đề nghị Nhà nước áp dụng cơ chế phân bổ ngân sách Nhà nước cho các trường đại học công lập thông qua cơ chế cấp học bổng cho người học. Thực hiện cơ chế này sẽ đảm bảo tính khoa học, tính công bằng, minh bạch, bình đẳng trong phân bổ ngân sách Nhà nước cho các trường đại học công lập và đối với người học có nhận thức cao hơn về trách nhiệm xã hội khi được Chính phủ cấp học bổng cho học tập. Ngoài ra, nó cũng hạn chế việc lãnh phí trong đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả hơn, giảm được tình trạng mất cân đối nguồn nhân lực các vùng miền như hiện nay, đặc biệt đối với nhân lực lĩnh vực y tế và giáo dục.

Trên cơ sở khả năng ngân sách Nhà nước và nhu cầu nhân lực của đất nước, Nhà nước thông báo công khai chỉ tiêu học bổng cho các trường để thông báo cho người học, kèm theo các chính sách và điều kiện được nhận học bổng của Nhà nước. Đối với sinh viên nhận học bổng của Nhà nước phải đảm bảo học xong phục vụ theo sự phân công nhiệm vụ của Nhà nước trong một thời hạn nhất định (ví dụ: tối thiểu 5 năm trở lên đến 10 năm) để Nhà nước cân đối nguồn lực giữa các vùng miền, đảm bảo các vùng miền trong cả nước đều có nhân lực các lĩnh vực có trình độ cao để đáp ứng nhu cầu đổi mới chung của kinh tế xã hội, phấn đấu theo kịp các nước trong khu vực và thế giới trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Nếu không chấp nhận sự phân công của Nhà nước hoặc chưa hết thời hạn theo quy định của Nhà nước, thì người học phải bồi hoàn lại học bổng cho Nhà nước.

Phương pháp xác định mức học bổng: mức học bổng được xác định trên cơ sở chi phí đào tạo thực tế, tính đủ chi phí theo các hệ đào tạo và theo cơ chế thị trường được nhà trường quyết định và sinh hoạt phí (nếu có).

Hình thức hỗ trợ: Hàng năm căn cứ vào nhu cầu nguồn nhân lực và khả năng của ngân sách, Nhà nước thông báo số lượng chỉ tiêu đào tạo được cấp học bổng cho các trường, người học sẽ nộp đơn đăng ký, cam kết thực hiện các điều khoản của Nhà nước để được nhận học bổng qua nhà trường. Căn cứ kết quả tuyển sinh của nhà trường và chỉ tiêu học bổng đã được thông báo, Nhà nước cấp học bổng cho người học thông qua nhà trường. Nhà nước không kiểm soát chi phí mà kiểm soát kết quả đầu ra về số lượng và chất lượng đào tạo.

Đối với nghiên cứu khoa học: là hoạt động tìm ra những kiến thức mới (hướng nghiên cứu hàn lâm) hoặc tìm ra những ứng dụng kỹ thuật mới, những mô hình mới có ý nghĩa thực tiễn (hướng nghiên cứu ứng dụng). Người muốn làm nghiên cứu khoa học phải có những kiến thức nhất định về lĩnh vực nghiên cứu, vì vậy chính các nhà khoa học phải là người đề xuất nghiên cứu và đề xuất sự hỗ trợ của ngân sách Nhà nước. Sau đó, các cơ quan Nhà nước mời các chuyên gia đánh giá và đặt hàng để giao cho nhà khoa học và các đơn vị thực hiện kèm theo mức kinh phí hỗ trợ của ngân sách Nhà nước. Hiện nay, Nhà nước hình thành nhiệm vụ khoa học và tuyển chọn qua đấu thầu người và cơ quan chủ trì để cấp kinh phí cho người thắng thầu. Vì vậy, các nhà khoa học chịu nhiều áp lực về thời gian thực hiện, sản

phẩm nghiên cứu (cái mình chưa biết đang đi tìm), chưa kể đến nghiên cứu khoa học mức độ thành công trong nghiên cứu, sản phẩm nghiệm thu được thử nghiệm đánh giá như thế nào và tạo ra áp lực phải có sản phẩm đầu ra để nghiệm thu. Điều này có thể làm giảm chất lượng nghiên cứu, gây ra lãng phí ngân sách Nhà nước và làm mất đi tính chủ động sáng tạo trong nghiên cứu của các nhà khoa học. Khi Nhà nước đặt hàng theo các đề xuất nghiên cứu của các nhà khoa học và xét duyệt hỗ trợ kinh phí giao cho nhà khoa học và đơn vị thực hiện sẽ khuyến khích được các nhà khoa học nghiên cứu theo thể mạnh và phát huy sự chủ động sáng tạo trong nghiên cứu. Nhà nước không kiểm soát chi phí, Nhà nước kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra. Bên cạnh đó, Nhà nước cần mở rộng mô hình mua lại sản phẩm nghiên cứu khoa học của nhà trường theo chi phí nhà trường đã thực hiện và một phần giá trị gia tăng theo tỷ lệ chung Nhà nước quy định trên cơ sở thị trường.

Đồng thời với đổi mới phân bổ ngân sách Nhà nước, Chính phủ cần xây dựng cơ chế hỗ trợ sinh viên học tập và có chính sách tín dụng ưu đãi và dài hạn đối với sinh viên ngoài đối tượng được hỗ trợ học bổng. Mặt khác, Nhà nước cần có chính sách đặc thù đối với sinh viên đăng ký và *tình nguyện làm việc, công hiến lâu dài* ở những địa phương vùng sâu, vùng xa của đất nước; chính hỗ trợ đối với người nghèo, người dân tộc thiểu số, người ở vùng sâu, vùng xa,... tạo điều kiện cho mọi người đều được tiếp cận giáo dục đại học. Bên cạnh đó, các nhà tuyển dụng cần có các chương trình tài trợ cho người học nâng cao trình độ sau đại học.

4.2. Đổi mới cơ chế chi đầu tư phát triển giáo dục đại học

Nhà nước cần tăng cường nguồn vốn đầu tư cho tương xứng với chất lượng đào tạo để tạo điều kiện cho các trường đáp ứng cơ bản cơ sở vật chất để sẵn sàng thực hiện tự chủ như các nước trong khu vực và thế giới. Đây cũng là cơ sở để các trường đại học công lập có đủ điều kiện dần chuyển sang mô hình doanh nghiệp.

Hiện nay, thực hiện cơ chế tự chủ mới chỉ là thí điểm và khi các trường đại học công lập thực hiện tự chủ thì Nhà nước sẽ không cấp ngân sách Nhà nước cho đơn vị nữa. Điều đó tạo ra tâm lý của các trường không mặn mà thực hiện cơ chế tự chủ. Mặt khác, vì cơ sở vật chất của nhà trường vẫn còn thiếu nhiều, nên thực hiện cơ chế tự chủ còn khó khăn; nhà trường cần có một nguồn vốn để đầu tư cơ sở vật

chất đảm bảo thực hiện cơ chế tự chủ. Vì vậy, trong giai đoạn đầu thực hiện cơ chế (giai đoạn 2018-2022), Chính phủ cho áp dụng cơ chế tự chủ chi thường xuyên; chuyển toàn bộ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp chi thường xuyên hiện nay sang chi đầu tư phát triển. Khi đó các trường đại học công lập sẽ sẵn sàng thực hiện cơ chế tự chủ

Giai đoạn từ năm 2023, thực hiện cơ chế tự chủ toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư, Nhà nước sẽ hỗ trợ chi đầu tư theo chương trình phát triển của Chính phủ.

4.3. Đổi mới phân bổ của ngân sách Nhà nước cùng với đổi mới quản lý chi

Hiện nay, nhà trường đã được tự chủ trong quản lý chi tiêu, tuy nhiên Nhà nước vẫn chưa giao quyền tự chủ toàn diện cho các trường, như chế độ chi trả lương, một số định mức mua sắm, chi phí đoàn ra, đoàn vào, chi nghiên cứu khoa học,... Đối với nguồn ngân sách Nhà nước, cấp và thu học phí Nhà nước

vẫn đang quản lý, kiểm soát chi thông qua hệ thống Kho bạc Nhà nước.

Vì vậy, đồng thời với đổi mới phân bổ ngân sách Nhà nước, Nhà nước cần đổi mới cơ chế quản lý chi. Nhà trường được tự chủ toàn diện trong chi tiêu và chịu trách nhiệm về giải trình đối với cán bộ, viên chức trong đơn vị và công khai minh bạch trước xã hội. Đối với kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, sẽ được giao đi cùng với giao nhiệm vụ sản phẩm, không đi vào quản lý chi tiết các khoản chi như hiện nay; và đối với các khoản kinh phí này cũng được cấp dưới dạng hợp đồng và nghiệm thu sản phẩm, nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp là một nguồn thu của nhà trường được sử dụng theo cơ chế tự chủ.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Tài chính (2006), *Thông tư số 71/2006/TT-BTC Hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập*, ban hành ngày 09 tháng 08 năm 2006.

Chính phủ (2006), *Nghị định số 43/2006/NĐ-CP quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập*, ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2006.

Chính phủ (2014), *Nghị quyết số 77/NQ-CP của về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017*, ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2014.

Chính phủ (2015), *Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công*, ngày 14 tháng 02 năm 2015.

Jamil Salmi & Arthur M.Hauptman (2006), 'Innovations in tertiary education financing: A comparative of allocation mechanisms', *Education Working Paper Series number 4*, Washington, DC: World Bank.

Lê Văn Dũng (2017), 'Quản trị tài chính tại các trường đại học công lập ngành Y Việt Nam', luận án tiến sĩ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Phan Công Nghĩa (2015), 'Xây dựng mô hình Quản trị tài chính đối với các trường đại học công lập', Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ B2012.06.15.NV.